

CÔNG TY TNHH TM&DV CÔNG NGHỆ TRẦN GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM&DV CÔNG NGHỆ TRẦN GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110877241

3. Ngày thành lập: 30/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962128368

Fax:

Email: trandangcomputer@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm)	4649
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
7.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại cấm)	4690
8.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
9.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
10.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
11.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
12.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
13.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	5820

14.	Hoạt động hậu kỳ (Trừ sản xuất phim và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5912
15.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet - Đại lý dịch vụ viễn thông	6190
16.	Lập trình máy vi tính	6201
17.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
18.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
19.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)	6311
20.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
21.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
22.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310(Chính)
23.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
25.	Hoạt động nhiếp ảnh (loại trừ hoạt động của các phóng viên ảnh)	7420
26.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán)	7490
27.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
28.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
29.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
30.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
31.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

32.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá (Không bao gồm hoạt động đấu giá) - Dịch vụ nhận ủy thác mua bán hàng hóa dịch vụ	8299
34.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Loại trừ hoạt động nhà báo độc lập)	9000
35.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của các sà nầy; trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)	9329
36.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
37.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
38.	In ấn	1811

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN HẢI ĐĂNG	Việt Nam	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	60,000	001096000789	
2	TRẦN QUỐC TUẤN	Việt Nam	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	001072011601	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN HẢI ĐĂNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/12/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001096000789

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội